

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

BÀI VIẾT
TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC THI
HIỆP ĐỊNH EVFTA TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU SẮT
THÉP CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG 4
THÁNG ĐẦU NĂM 2025

THUỘC NHIỆM VỤ
“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển
khai hiệp định EVFTA năm 2025”

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG BÁO CÁO	6
I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU SẮT THÉP CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG THỰC THI EVFTA TRONG 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2025.....	6
1. <i>Tổng quan tình hình xuất khẩu sắt thép sang thị trường EU...</i>	6
2. <i>Cơ cấu thị trường thành viên EU theo kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam</i>	7
3. <i>Cơ cấu chủng loại mặt hàng sắt thép xuất khẩu sang thị trường EU 10</i>	
4. <i>Đánh giá tác động của hiệp định EVFTA</i>	12
5. <i>Đánh giá về sức cạnh tranh của mặt hàng sắt thép Việt Nam tại EU 13</i>	
II. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XUẤT KHẨU SẮT THÉP TRONG THỰC THI EVFTA	15
1. Các yếu tố tác động từ thị trường thế giới và thị trường EU	15
2. Các yếu tố tác động từ Việt Nam.....	17
III. ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP	17
1. Dự báo xu hướng.....	17
2. Một số khuyến nghị.....	19

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang các thị trường thành viên EU tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025	6
Bảng 2: Xuất khẩu hàng sắt thép của Việt Nam sang các nước EU tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025	8
Bảng 3: Xuất khẩu một số nhóm hàng sắt thép của Việt Nam sang các thị trường khối EU trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025.....	11
Bảng 4: Xếp hạng của Việt Nam trong các nguồn cung mặt hàng sắt thép mã HS 72 của các thị trường khối EU	14
Bảng 5: Sản lượng thép thô thế giới tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025	18

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang các thị trường khối EU giai đoạn 4 tháng đầu năm 2020-2025	7
Biểu đồ 2: Kim ngạch xuất khẩu hàng sắt thép của Việt Nam sang Ba Lan và Phần Lan 4 tháng giai đoạn 2020 - 2025.....	10
Biểu đồ 3: Cơ cấu các nhóm hàng sắt thép xuất khẩu sang thị trường EU trong 4 tháng đầu năm 2025.....	12
Biểu đồ 4: Lượng sắt thép của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU giai đoạn 4 tháng đầu năm 2020-2025	13

TÓM TẮT

Thị trường thép thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng chịu áp lực lớn từ nhiều yếu tố bất lợi, đặc biệt là tình trạng giảm phát kéo dài tại Trung Quốc và xu hướng bảo hộ gia tăng tại nhiều quốc gia nhập khẩu. Cùng đó, tồn kho tại các thị trường nhập khẩu lớn cùng với xu hướng đi ngang của giá thép thế giới đã khiến xuất khẩu sắt thép của Việt Nam trong tháng 4/2025 và 4 tháng đầu năm 2025 giảm cả về lượng và trị giá.

Thông kê từ số liệu hải quan Việt Nam cho thấy lượng sắt thép xuất khẩu tháng 4/2025 chỉ đạt 1,09 triệu tấn với trị giá 709,99 triệu USD, giảm lần lượt 1,38% và 14,99% về lượng và trị giá so với tháng 4/2024. Tính chung 4 tháng đầu năm 2025, lượng sắt thép xuất khẩu đạt 3,84 triệu tấn với trị giá 2,49 tỷ USD, giảm 11,47% về lượng và 22,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Tính riêng xuất khẩu sắt thép sang khối thị trường EU, mặc dù bắt đầu có những dấu hiệu hồi phục khi xuất khẩu sắt thép sang các nước thuộc EU tháng 4/2025 tăng so với tháng 3/2025 nhưng nhìn chung tình hình xuất khẩu mặt hàng sang khối thị trường này vẫn giảm so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu sắt thép 4 tháng đầu năm nay sang EU đạt 733,83 nghìn tấn với trị giá 501,94 triệu USD, giảm 38,54% về lượng và 40,55% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng sắt thép sang Italia (chiếm tỷ trọng cao nhất là 26,47% trên tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng sang các nước khối EU) giảm 54,73% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 132,87 triệu USD; sang Bỉ cũng giảm 48,93%, đạt 130 triệu USD; sang Tây Ban Nha giảm 44,52%, đạt 104,79 triệu USD; sang Bồ Đào Nha giảm 39,65%, đạt 35,26 triệu USD ...

Tín hiệu tích cực là kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang Đức tăng mạnh kể từ khi hiệp định EVFTA có hiệu lực. Thông kê số liệu hải quan Việt Nam cho thấy tính chung xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu mặt hàng sang Đức tăng gấp 43 lần về lượng và gấp 14 lần về trị giá so với kỳ 4 tháng đầu năm 2020 (trước khi EVFTA có hiệu lực). Ngoài ra, Ba Lan và Phần Lan tuy chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu các thị trường xuất khẩu khối EU (5,44% và 0,06%) nhưng xuất khẩu mặt hàng sang 2 thị trường này tăng trưởng khá trong bối cảnh xuất khẩu sang hầu hết các thị trường thuộc EU đều giảm.

Về cơ cấu các chủng loại sắt thép xuất khẩu sang EU, thép mạ kẽm là nhóm hàng có trị giá xuất khẩu cao nhất (chiếm 36,43% tổng kim ngạch các chủng hàng sắt thép xuất khẩu sang EU trong 4 tháng đầu năm 2025) nhưng giảm 49,75% so với 4 tháng đầu năm 2024. Sự thay đổi trong cơ cấu các chủng loại sắt thép xuất khẩu sang EU thể hiện rõ nét từ số liệu thống kê kim ngạch xuất khẩu thép tấm và thép mạ màu – hai chủng hàng có trị giá xuất khẩu cao thứ hai và thứ ba trong các chủng loại sắt thép xuất khẩu

sang khối thị trường này 4 tháng đầu năm nay. Trong bối cảnh xuất khẩu sắt thép nói chung đang giảm cả về lượng và trị giá, kim ngạch xuất khẩu riêng các loại thép tấm (chiếm 20,17% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu các chủng hàng sắt thép sang EU) vẫn tăng 36,87% so với 4 tháng đầu năm 2024. Tương tự, kim ngạch xuất khẩu các loại thép mạ màu (chiếm 17,28% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu các chủng hàng sắt thép sang EU) cũng tăng 48,2% so với cùng kỳ 4 tháng đầu năm trước.

Nhận định chung thị trường thép thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đến hết quý 2/2025 vẫn tiếp tục chịu áp lực lớn từ nhiều yếu tố bất lợi, đặc biệt là tình trạng giảm phát kéo dài tại Trung Quốc và xu hướng bảo hộ gia tăng tại nhiều quốc gia nhập khẩu.

NỘI DUNG

I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU SẮT THÉP CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG THỰC THI EVFTA TRONG 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Tổng quan tình hình xuất khẩu sắt thép sang thị trường EU

Tồn kho tại các thị trường nhập khẩu lớn cùng với xu hướng đi ngang của giá thép thế giới đã khiến xuất khẩu sắt thép của Việt Nam trong tháng 4/2025 giảm cả về lượng và trị giá. Thống kê từ số liệu hải quan, lượng sắt thép xuất khẩu chỉ đạt 1,09 triệu tấn với trị giá 709,99 triệu USD, giảm lần lượt 1,38% và 14,99% về lượng và trị giá so với tháng 4/2024.

Tính chung 4 tháng đầu năm nay, lượng sắt thép xuất khẩu đạt 3,84 triệu tấn với trị giá 2,49 tỷ USD, giảm 11,47% về lượng và 22,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu về xuất khẩu sắt thép sang các thị trường thành viên EU tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025

	Tháng 4/2025			4 tháng/2025	
Chỉ tiêu	(triệu USD)	So T3/2025 (%)	So T4/2024 (%)	(triệu USD)	So 4T/2024 (%)
Tổng KNXK mặt hàng của VN	709,99	10,44	-14,99	2.493,20	-22,6
KNXK mặt hàng sang các EU	159,16	53,81	-25,43	501,94	-40,55
Tỷ trọng trên tổng KNXK hàng hoá (%)	22,42			20,13	

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

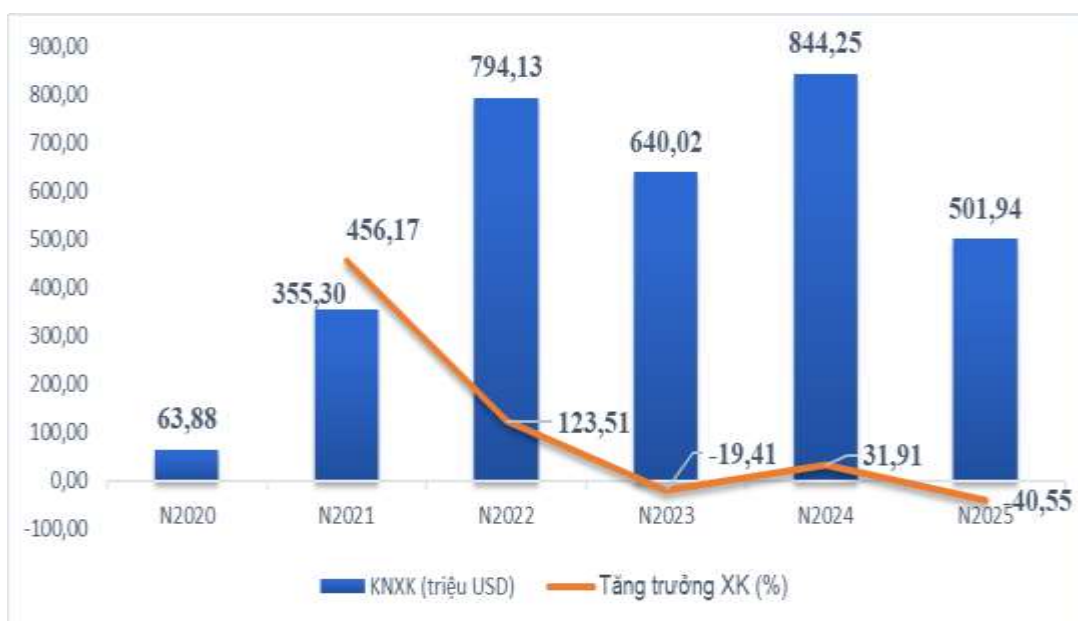
Riêng trị giá xuất khẩu sắt thép sang khối thị trường EU trong tháng 4/2025 đã chiếm 22,42% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này, đạt

159,16 triệu USD với 231,56 nghìn tấn, giảm 17,19% về lượng và 25,43% về trị giá so với cùng tháng 4/2024.

Tín hiệu tích cực là trong tháng 4/2025, xuất khẩu mặt hàng sắt thép sang EU tuy giảm so với cùng kỳ năm trước nhưng đã bắt đầu tăng so với những tháng đầu năm nay. Cụ thể, lượng và trị giá xuất khẩu sắt thép sang các thị trường thuộc EU tháng 4/2025 đã tăng 42,7% về lượng và 53,81% về trị giá so với tháng 3/2025.

Tính chung xuất khẩu sắt thép sang khối thị trường EU trong 4 tháng đầu năm 2025 đạt 733,83 nghìn tấn với trị giá 501,94 triệu USD, giảm 38,54% về lượng và 40,55% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang các thị trường khối EU giai đoạn 4 tháng đầu năm 2020-2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

2. Cơ cấu thị trường thành viên EU theo kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam

Mặc dù bắt đầu có những dấu hiệu hồi phục khi xuất khẩu sắt thép sang các nước thuộc EU tháng 4/2025 tăng so với tháng 3/2025 nhưng nhìn chung tình hình xuất khẩu mặt hàng sang khối thị trường này vẫn giảm so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

- Kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang Italia - thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong các nước EU – trong tháng 4/2025 giảm 6,63% so với tháng 4/2024. Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng sang thị trường lớn thứ hai là Bỉ cũng giảm 43,87%; sang Tây Ban Nha giảm 30,34%; sang Bồ Đào Nha giảm 58,11%; sang Đức giảm 58,5%; sang Pháp giảm 77,07%...

Chỉ có xuất khẩu mặt hàng sang 3 thị trường là Ba Lan, Hy Lạp và Phần Lan tăng, lần lượt ở mức 22,22%; 46,55% và 95,52% so với tháng 4/2024.

- Tính chung 4 tháng đầu năm nay 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng sắt thép sang Italia (chiếm tỷ trọng cao nhất là 26,47% trên tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng sang các nước khối EU) giảm 54,73% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 132,87 triệu USD; sang Bỉ cũng giảm 48,93%, đạt 130 triệu USD; sang Tây Ban Nha giảm 44,52%, đạt 104,79 triệu USD; sang Bồ Đào Nha giảm 39,65%, đạt 35,26 triệu USD

Bảng 2: Xuất khẩu hàng sắt thép của Việt Nam sang từng thị trường thành viên trong EVFTA (tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025)

Thị trường	Tháng 4/2025			4 tháng đầu năm 2025		
	(triệu USD)	So với T3/2025 (%)	So với T4/2024 (%)	(triệu USD)	So với 4T/2024 (%)	Tỷ trọng của thị trường (%)
Tổng KNXK mặt hàng sang EU	159,16	53,81	-25,43	501,94	-40,55	100,00
Italia	52,05	144,82	-6,63	132,87	-54,73	26,47
Bỉ	43,88	26,05	-43,87	130,00	-48,93	25,90
Tây Ban Nha	33,57	285,83	-30,34	104,79	-44,52	20,88
Bồ Đào Nha	14,05	600,91	-58,11	35,26	-39,65	7,02
Đức	0,36	-97,59	-58,50	29,87	991,32	5,95
Ba Lan	10,59	131,97	22,22	27,32	23,22	5,44
Lithuania	0,19			10,94	2.925,50	2,18
Pháp	0,90	47,81	-77,07	7,93	-4,88	1,58
Hy Lạp	0,57	2,73	46,55	2,16	-7,81	0,43
Slovenia	0,00			1,84	-62,66	0,37
Hà Lan	0,54	652,06	-96,90	1,58	-96,99	0,31

Thị trường	Tháng 4/2025			4 tháng đầu năm 2025		
	(triệu USD)	So với T3/2025 (%)	So với T4/2024 (%)	(triệu USD)	So với 4T/2024 (%)	Tỷ trọng của thị trường (%)
Thụy Điển	0,09		-91,72	1,02	-63,72	0,20
Látvia	0,01	-97,70	-98,85	0,76	-84,44	0,15
Hunggary	0,08	-48,57		0,55		0,11
Rumani	0,05	-47,85	-56,66	0,35	49,10	0,07
Phần Lan	0,12	105,01	95,22	0,31	4,52	0,06
Bungari				0,20		0,04
CH Séc	0,05		-56,37	0,18	-56,44	0,04
Đan Mạch				0,08	23,98	0,02
Ai Len				0,05	-9,02	0,01

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

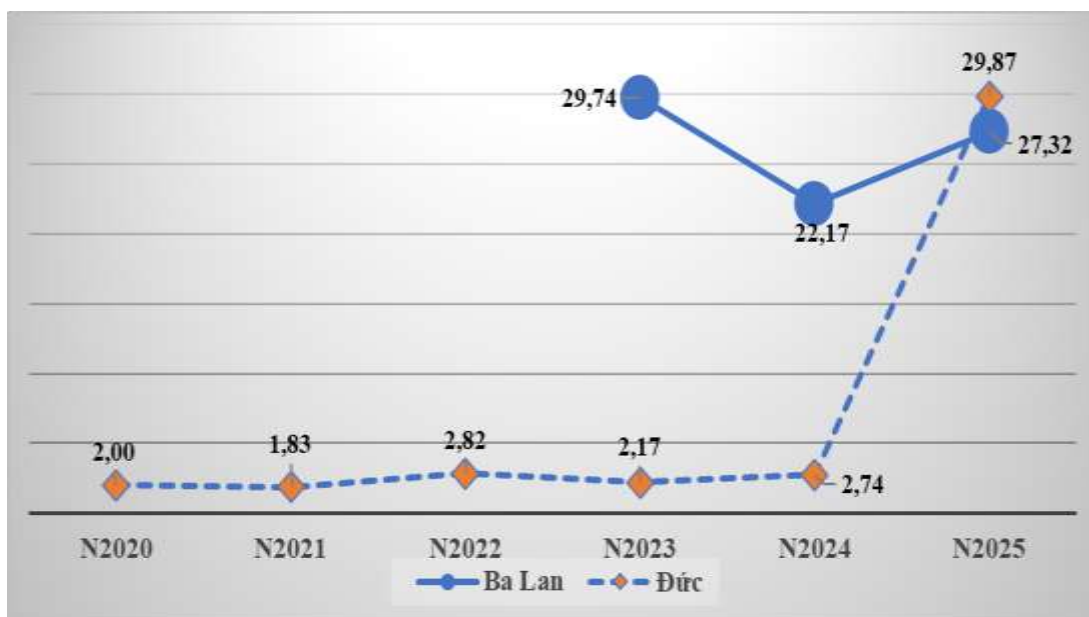
Đáng kể, kể từ khi hiệp định EVFTA có hiệu lực, kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang Đức tăng mạnh. Thống kê số liệu hải quan, tính chung xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2025 tăng gấp 43 lần về lượng và gấp 14 lần về trị giá so với kỳ 4 tháng đầu năm 2020 (trước khi EVFTA có hiệu lực).

Điểm đáng chú ý khác về các thị trường trong khối EU, Ba Lan và Phần Lan tuy chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu các thị trường xuất khẩu khối EU (5,44% và 0,06%) nhưng xuất khẩu mặt hàng sang 2 thị trường này tăng trưởng khá trong bối cảnh xuất khẩu sang hầu hết các thị trường thuộc EU đều giảm. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang Ba Lan tháng 4/2025 tăng 131,97% so với tháng 3/2025, đạt 10,59 triệu USD, nâng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng 4 tháng đầu năm 2025 sang Ba Lan lên 27,32 triệu USD, tăng 23,22% so với cùng kỳ năm trước.

Kim ngạch xuất khẩu hàng sắt thép sang Phần Lan tháng 4/2025 cũng tăng đến 105,01% so với tháng 3/2025 và 4 tháng đầu năm nay đạt 0,31 triệu USD, tăng 4,52% so với cùng kỳ năm ngoái.

Biểu đồ 2: Kim ngạch xuất khẩu hàng sắt thép của Việt Nam sang Ba Lan và Phần Lan 4 tháng giai đoạn 2020 - 2025

Đơn vị tính: triệu USD



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

3. Cơ cấu chủng loại mặt hàng sắt thép xuất khẩu sang thị trường EU

Trong cơ cấu các chủng loại sắt thép xuất khẩu sang EU, thép mạ kẽm là nhóm hàng có trị giá xuất khẩu cao nhất (chiếm 36,43% tổng kim ngạch các chủng hàng sắt thép xuất khẩu sang EU) nhưng giảm 49,75% so với 4 tháng cùng kỳ năm ngoái. Chủng hàng này chủ yếu được xuất khẩu sang Tây Ban Nha (chiếm 32,02% tỷ trọng về trị giá trên tổng trị giá xuất khẩu chủng hàng sang các thị trường khối EU), Bỉ (chiếm 27,25%) và Italia (chiếm 24,18%).

Sự thay đổi trong cơ cấu các chủng loại sắt thép xuất khẩu sang EU thể hiện rõ nét từ số liệu thống kê kim ngạch xuất khẩu thép tấm và thép mạ màu – hai chủng hàng có trị giá xuất khẩu cao thứ hai và thứ ba trong các chủng loại sắt thép xuất khẩu sang khối thị trường này 4 tháng đầu năm nay. Cụ thể, trong bối cảnh xuất khẩu sắt thép nói chung đang giảm cả về lượng và trị giá, nhưng kim ngạch xuất khẩu riêng các loại thép tấm (chiếm 20,17% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu các chủng hàng sắt thép sang EU) vẫn tăng 36,87% so với 4 tháng đầu năm 2024. Chủng hàng này được xuất nhiều nhất sang Italia với trị giá chiếm 42,85% tổng trị giá xuất khẩu chủng hàng sang các nước EU.

Tương tự, kim ngạch xuất khẩu các loại thép mạ màu (chiếm 17,28% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu các chủng hàng sắt thép sang EU)

cũng tăng 48,2% so với cùng kỳ 4 tháng đầu năm trước, chủ yếu xuất sang Italia với trị giá chiếm 34,2% tỷ trọng trên tổng trị giá xuất khẩu chủng hàng sang thị trường EU và xuất sang Tây Ban Nha với tỷ trọng 31,27%, sang Ba Lan với tỷ trọng 17,46%.

Bảng 3: Xuất khẩu một số nhóm hàng sắt thép của Việt Nam sang các thị trường khối EU trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025

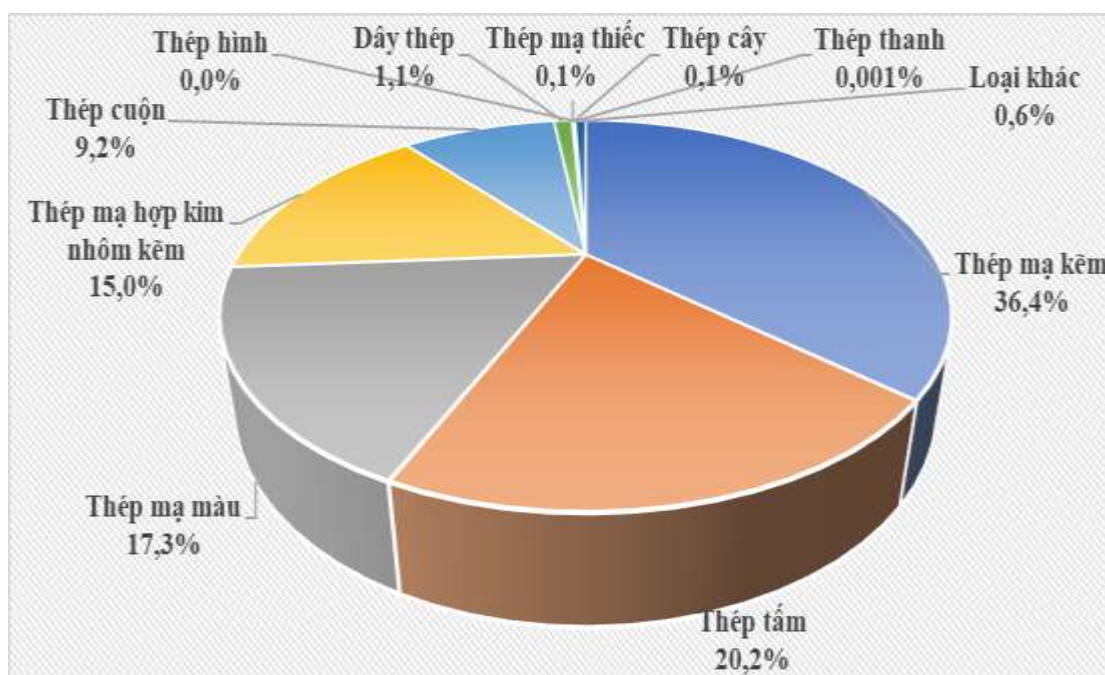
Chủng loại	Tháng 4/2025			4 tháng đầu năm 2025	
	(triệu USD)	So với T3/2025 (%)	So với T4/2024 (%)	(triệu USD)	So với 4T/2024 (%)
Tổng KNXK sang EU	159,16	53,81	-25,43	501,94	-40,55
Thép mạ kẽm	49,31	66,64	-60,69	167,65	-49,75
Thép tấm	29,51	55,15	43,41	92,81	36,87
Thép mạ màu	28,63	93,61	2,13	79,54	48,20
Thép mạ hợp kim nhôm kẽm	18,96	83,96	-19,99	69,20	-4,40
Thép cuộn	26,56		-40,66	42,11	-86,07
Dây thép	1,02	-41,43	-26,15	4,98	-7,17
Thép mạ thiếc	0,36		72,76	0,46	-40,33
Thép cây	0,24	267,33	163,47	0,43	40,91
Thép hình				0,007	
Thép thanh				0,005	
Loại khác	2,48	548,65	1.370,41	2,97	199,99

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

Ngoài ra, mặc dù chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu các chủng hàng sắt thép xuất khẩu sang EU (ở mức 0,09%) nhưng kim ngạch xuất khẩu các loại thép cây trong 4 tháng đầu năm nay cũng tăng 40,91% so với 4 tháng đầu năm ngoái. Chủng hàng thép cây chủ yếu được xuất khẩu sang Bỉ (chiếm 66,83% tỷ trọng về trị giá trên tổng trị giá xuất khẩu chủng hàng sang các thị trường khối EU) và sang Italia (chiếm 29,03%).

Ngược lại, giảm mạnh nhất là thép cuộn, tuy có trị giá xuất khẩu khá cao (chiếm gần 10% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu các loại sắt thép sang EU) nhưng giảm tới 86,07% so với cùng kỳ năm trước. Các loại thép cuộn được xuất sang ba thị trường là Italia (44,94%), Bỉ (30,26%) và Lithuania (24,8%).

Biểu đồ 3: Cơ cấu các nhóm hàng sắt thép xuất khẩu sang thị trường EU trong 4 tháng đầu năm 2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

4. Đánh giá tác động của hiệp định EVFTA

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) chính thức có hiệu lực từ ngày 01/8/2020. Từ số liệu hải quan có thể thấy rõ Hiệp định đã tác động tích cực đến hoạt động xuất khẩu sắt thép của Việt Nam nói riêng sang thị trường EU. Lượng sắt thép Việt Nam xuất sang EU trong kỳ 4 tháng đầu năm 2021 (sau khi EVFTA chính thức có hiệu lực) tăng tới 410,48% so với 4 tháng đầu năm 2020 (khi EVFTA chưa có hiệu lực). Trong giai đoạn từ 2021-2024, lượng sắt thép xuất khẩu sang thị trường này luôn tăng trưởng mạnh. Chỉ riêng kỳ 4 tháng đầu năm nay giảm so với cùng kỳ năm ngoái do tác động từ các biện pháp phòng vệ thương mại của

EU đối với sắt thép, bao gồm thuế chống bán phá giá và gia hạn biện pháp tự vệ.

Mặc dù vậy, lượng sắt thép Việt Nam xuất khẩu sang EU trong 4 tháng đầu năm 2025 vẫn tăng đến 813,56% so với kỳ 4 tháng đầu năm 2020 (khi Hiệp định chưa có hiệu lực) và tăng 78,96% so với 4 tháng đầu năm 2021 (thời điểm Hiệp định mới có hiệu lực), cho thấy tác động tích cực từ việc tham gia hiệp định EVFTA đối với xuất khẩu sắt thép của Việt Nam

Biểu đồ 4: Lượng sắt thép của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU giai đoạn 4 tháng đầu năm 2020-2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

5. Đánh giá về sức cạnh tranh của mặt hàng sắt thép Việt Nam tại EU

Các nước thuộc Liên minh châu Âu nhập khẩu sắt thép chủ yếu từ chính các quốc gia nội khối. Theo đó, thứ hạng của Việt Nam (tính theo lượng nhập khẩu) trong cơ cấu các nguồn cung của các thị trường khối EU không cao.

Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) của WTO, Italia là quốc gia nhập khẩu nhiều sắt thép nhất trong số các nước thuộc EU, chủ yếu nhập từ Đức, Pháp, Áo. Việt Nam chỉ là nguồn cung lớn thứ 9 của Italia và tỷ trọng về lượng nhập khẩu của Việt Nam đối với thị trường Italia còn thấp hơn nhiều so với tỷ trọng của đối thủ cùng khu vực châu Á là Trung Quốc chiếm giữ.

Bỉ là quốc gia nhập khẩu sắt thép đứng thứ hai trong các nước EU, đạt gần 16,32 triệu tấn trong năm 2024, tăng 2,44% so với năm 2023. Việt

Nam là nguồn cung lớn thứ 5 của Bỉ (chỉ đứng sau các nguồn cung nội khối EU là Đức, Pháp, Hà Lan và quốc gia ngoại khối là Nga), giữ tỷ trọng về lượng nhập khẩu cao hơn các đối thủ cùng châu Á khác. Tuy nhiên, quan hệ chính trị và thương mại giữa EU và Nga hiện còn nhiều bất ổn, tạo cơ hội cho sắt thép Việt Nam gia tăng xuất khẩu vào thị trường Bỉ.

Tương tự, Hà Lan là quốc gia nhập khẩu sắt thép nhiều thứ ba trong các nước EU, đạt gần 12,75 triệu tấn với trị giá 12,82 tỷ USD năm 2024, tăng 1,74% về lượng và 18,81% về trị giá nhập khẩu so với năm 2023. Việt Nam là nguồn cung lớn thứ 7 của Hà Lan (đứng sau các nguồn cung nội khối EU là Đức, Bỉ, Pháp, Phần Lan và Na Uy), giữ tỷ trọng về lượng nhập khẩu cao hơn các đối thủ cùng châu Á khác. Điều này cho thấy tiềm năng có thể tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang thị trường Bỉ và Hà Lan.

Bảng 4: Xếp hạng của Việt Nam trong các nguồn cung mặt hàng sắt thép mã HS 72 vào từng thị trường khối EU

Thị trường	Năm 2024 (nghìn USD)	Lượng NK 2024 (tấn)	2T/2025 (nghìn USD)	2T/2025 so với 2T/2024 (%)	Thứ hạng của VN trong các nguồn cung trong N2024 (tính theo lượng NK)
Ailen	903.699	719.293	141.134	-1,83	21
Áo	4.354.002	4.283.467	666.968	-9,20	46
Ba Lan	12.171.766	12.126.817	1.684.039	-22,47	30
Bỉ	13.764.323	16.318.164	1.310.638	-44,41	5
Bồ Đào Nha	3.826.776	4.878.947	621.302	-2,96	9
Bungari	1.502.118	1.051.805	260.788	-7,40	4
CH Séc	5.572.679	7.226.294	1.177.831	-9,01	34
Croatia	871.262	1.083.385	83.010	-51,24	37
Đan Mạch	2.488.246	2.024.101	360.663	-31,50	35
Đức	28.468.809	24.217	4.193.014	-14,80	25
Estonia	688.205		103.481	-0,23	24

“Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình thực thi Hiệp định EVFTA trong hoạt động XK sắt thép của VN sang thị trường EU”

Thị trường	Năm 2024 (nghìn USD)	Lượng NK 2024 (tấn)	2T/2025 (nghìn USD)	2T/2025 so với 2T/2024 (%)	Thứ hạng của VN trong các nguồn cung trong N2024 (tính theo lượng NK)
Hà Lan	12.815.298	12.745.580	2.178.878	-6,66	7
Hungary	2.767.971		434.595	-15,35	31
Hy Lạp	1.948.593	2.508.679	283.571	-11,19	18
Italia	22.876.490	25.940.230	4.133.617	10,56	9
Latvia	614.632		106.349	-6,20	2
Litva	955.820		176.735	83,86	4
Luxemburg	1.182.461	2.391.710	160.972	-13,87	36
Malta	53.210	69.915	8.403	28,56	
Phần Lan	2.698.599	888.484	390.753	-6,71	33
Pháp	10.730.979	11.961.748	1.976.004	-15,60	28
Síp	251.497	353.165	38.471	-15,99	11
Slovakia	2.953.515	704.569	439.862	-16,67	58
Slovenia	2.207.439	2.406.936	374.426	-11,39	49
Tây Ban Nha	9.388.313	10.735.555	1.870.733	-12,16	4
Thụy Điển	4.584.208	3.257.599	725.674	-6,01	29

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

II. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XUẤT KHẨU SẮT THÉP TRONG THỰC THI EVFTA

1. Các yếu tố tác động từ thị trường thế giới và thị trường EU

Theo Hiệp hội Thép Thế giới, nhu cầu thép toàn cầu sau khi giảm 0,9% trong năm 2024 dự kiến sẽ phục hồi 1,2% trong năm 2025. Nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu chính, trong đó có thị trường châu Âu, Hoa Kỳ

và ASEAN, dự kiến sẽ tăng từ 2% đến 3,5% so với cùng kỳ do kỳ vọng về việc nới lỏng chính sách tiền tệ toàn cầu.

Nền công nghiệp thép toàn cầu đều đã hướng tới mục tiêu trung hòa carbon vào năm 2050, chính vì vậy, ngành công nghiệp thép Việt Nam cũng đã từng bước bắt nhịp với sự đổi mới. EU hiện là một trong những thị trường xuất khẩu lớn nhất của ngành thép Việt Nam. Không muốn mất thị trường, các doanh nghiệp sản xuất thép Việt Nam buộc phải chuyển đổi sản xuất theo hướng “xanh hóa” để có thể nâng cao sức cạnh tranh. Khi đã đạt được tiêu chuẩn sản xuất và yêu cầu xanh hóa thì thép Việt Nam sẽ không chỉ giữ được thị trường EU mà còn mở rộng nhiều thị trường khác trên toàn cầu bởi sản phẩm đã đáp ứng được tiêu chuẩn quốc tế.

Bên cạnh những cơ hội, ngành công nghiệp thép tiếp tục phải đối mặt với các khó khăn thách thức: tình trạng cung vượt cầu trên thị trường sắt thép thế giới nói chung khiến sức ép cạnh tranh trở nên khốc liệt hơn; sự thay đổi chính sách thương mại của các thị trường lớn, nhất là sự gia tăng của chủ nghĩa bảo hộ trong thị trường toàn cầu (chủ yếu do dư thừa công suất) ... tiềm ẩn nhiều rủi ro cho các nhà sản xuất và xuất khẩu sắt thép.

Để bảo vệ ngành sản xuất thép nội khối EU, Ủy ban châu Âu - EC đã ban hành kế hoạch hành động về thép và kim loại bao gồm nhiều biện pháp trọng yếu, trong đó có những thay đổi đáng chú ý liên quan đến cơ chế phòng vệ thương mại, siết chặt các biện pháp tự vệ hiện hành đối với thép.

Đặc biệt, cơ chế giảm lượng phát thải carbon CBAM - đánh thuế carbon đối với sắt thép nhập khẩu vào EU - sẽ đặt ra thách thức lớn hơn cho các doanh nghiệp xuất khẩu thép Việt Nam. Sau giai đoạn thí điểm, giai đoạn vận hành cơ chế CBAM kể từ năm 2026 sẽ buộc các nhà nhập khẩu thép tại EU mua giấy chứng nhận CBAM. Giá của các chứng chỉ sẽ được tính tùy thuộc vào giá đầu giá trung bình hàng tuần của Hệ thống thương mại khí thải (ETS) của EU, biểu thị bằng EUR/tấn CO₂ thải ra. Nếu các doanh nghiệp thép Việt Nam không lên kế hoạch giảm lượng khí thải carbon trong sản xuất thì sản phẩm xuất khẩu sẽ khó cạnh tranh về giá. Thủ tục và cơ chế liên quan tới khai báo thông tin phát thải từ nhà xuất khẩu cũng có thể trở thành hàng rào kỹ thuật và hàng rào thương mại vào thị trường này.

Không những thế, Ủy ban châu Âu đã gia hạn biện pháp tự vệ đối với mặt hàng thép thêm hai năm, đến tháng 6/2026. EC cũng dự kiến sẽ thay thế biện pháp tự vệ hiện tại bằng một cơ chế dài hạn hơn sau khi biện pháp hiện tại hết hiệu lực vào ngày 30/6/2026.

Gần đây, Ủy ban châu Âu (EC) đã công bố áp thuế chống bán phá giá tạm thời đối với thép cuộn cán nóng nhập khẩu từ Việt Nam, với mức

thuế cao nhất lên tới 12,1%. Kim ngạch xuất khẩu thép cán nóng sang EU chiếm gần 10% tổng kim ngạch xuất khẩu thép của Việt Nam. Việc bị áp thuế chống bán phá giá ở mức cao có thể làm giảm đáng kể khả năng cạnh tranh của một số doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường EU – vốn là một trong những thị trường xuất khẩu thép tiềm năng và có giá bán tốt.

2. Các yếu tố tác động từ Việt Nam

Ngày 29/5/2025, Tập đoàn Hòa Phát và Tập đoàn SMS Group (Đức) đã ký hợp đồng cung cấp công nghệ và dây chuyền sản xuất thép ray và thép hình với công suất 700.000 tấn/năm. Dự kiến dây chuyền sẽ hoàn thành trong vòng 20 tháng và đưa ra thị trường những sản phẩm ray cao tốc đầu tiên vào quý 1/2027. Với việc đầu tư này, Tập đoàn Hòa Phát là doanh nghiệp duy nhất ở Đông Nam Á sản xuất được thép ray cho đường sắt cao tốc. Việc này cũng mở thêm cơ hội giao thương về thép chất lượng cao với thị trường thế giới bởi đây là hệ thống dây chuyền hiện đại nhất của châu Âu với hệ thống giá cán 4 trục siêu linh hoạt, mang đến độ chính xác vượt trội, đảm bảo chất lượng đồng nhất cho sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn về đường sắt cao tốc quốc tế.

Và trong bối cảnh sắt thép trong nước đang đối mặt với áp lực cạnh tranh gay gắt, Bộ Công Thương đã áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời đối với một số chủng hàng sắt thép xuất xứ từ một số thị trường như Ấn Độ, Trung Quốc..., góp phần kiểm soát lượng thép nhập khẩu vào Việt Nam, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thép trong nước tăng trưởng ổn định và đặc biệt là ngăn chặn làn sóng thép giá rẻ từ nước ngoài vào Việt Nam hay thông qua Việt Nam để xuất sang các thị trường lớn khác như EU.

III. ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Dự báo xu hướng

Theo Hiệp hội Thép thế giới (Worldsteel), sản lượng thép thô thế giới của 69 quốc gia (chiếm 98% tổng sản lượng thép thô thế giới) đạt 155,7 triệu tấn trong tháng 4/2025, giảm 0,3% so với tháng 4/2024. Tính chung 4 tháng đầu năm nay đạt 624,4 triệu tấn, giảm 0,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, 10 quốc gia sản xuất thép hàng đầu là Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Nga, Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Brazil, Đức và Iran.

Thị trường sắt thép thế giới biến động liên tục với các đợt tăng mạnh xen kẽ những nhịp điều chỉnh đáng kể từ đầu năm tới nay. Kể từ phiên giao dịch ngày 9/01/2025, giá quặng sắt niêm yết trên Sở Giao dịch Singapore (SGX) đã có tới 7 phiên tăng liên tiếp, đồng thời chính thức vượt mốc trên 100 USD/tấn. Xu hướng tăng được duy trì trong hơn 1 tháng, đưa giá

nguyên liệu đầu vào của thép tiền sát 108 USD/tấn vào phiên ngày 20/02/2025, là mức đỉnh trong quý 1/2025. Sau đó, giá sắt thép thế giới bước vào giai đoạn điều chỉnh kéo dài đến đầu tháng 3/2025.

Cùng đó, việc Mỹ siết chặt thuế quan đối với thép nhập khẩu cũng đẩy lên nguy cơ thép dư thừa từ Trung Quốc sẽ được đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường khác, trong đó có EU. Điều này buộc nhiều nước phải tăng cường các biện pháp bảo hộ sản xuất trong nước và cắt giảm nhập khẩu, khiến đầu ra xuất khẩu của thép Trung Quốc bị thu hẹp đáng kể. Trong khi đó, nhu cầu nội địa của Trung Quốc lại không đủ mạnh để hấp thụ hết phần cung dư thừa này. Do vậy, thị trường thép thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng dự báo vẫn sẽ tiếp tục chịu áp lực lớn từ nhiều yếu tố bất lợi, đặc biệt là tình trạng giảm phát kéo dài tại Trung Quốc và xu hướng bảo hộ gia tăng tại nhiều quốc gia nhập khẩu.

Bảng 5: Sản lượng thép thô thế giới tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025

Khu vực	T2/2025 (triệu tấn)	So với T2/2024 (%)	2T/2025 (triệu tấn)	So với 2T/2024 (%)
Châu Phi	1.9	6.3	7.7	4.0
Châu Á và Châu Đại Dương	115.0	0,1	463,9	0,3
Liên minh châu Âu (27)	11.1	-2,6	43,5	-2,4
Các thị trường khác ở Châu Âu	3.4	-0,5	13.9	-6,2
Trung Đông	5.2	2.2	18.4	-5,7
Bắc Mỹ	9.0	0,2	35,9	0,3
Nga và các nước CIS khác + Ukraine	6.9	-4,4	27,3	-3,4
Nam Mỹ	3.3	-2,4	13.7	-1,5
Tổng 69 quốc gia	155,7	-0,3	624,4	-0,4

(69 quốc gia chiếm 98% tổng sản lượng thép thô thế giới)

Nguồn: Hiệp hội Thép thế giới (Worldsteel)

2. Một số khuyến nghị

EC áp thuế chống bán phá giá tạm thời đối với thép cuộn cán nóng nhập khẩu từ Việt Nam với mức thuế lên tới 12,1% nhưng riêng Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất – một trong những nhà sản xuất thép lớn tại miền Trung – không bị áp thuế chống bán phá giá. Theo EC, doanh nghiệp này hợp tác đầy đủ trong quá trình điều tra và cung cấp các bằng chứng thuyết phục rằng sản phẩm không bán dưới giá thị trường.

Điều này cho thấy vẫn còn nhiều cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam chứng minh tính minh bạch và tuân thủ quy định quốc tế. Vấn đề nằm ở việc quản trị giá, truy xuất nguồn gốc và tính hợp tác trong quá trình điều tra. Vì vậy, trong dài hạn, ngành thép cần tập trung hơn vào phát triển bền vững, nâng cao khả năng truy xuất nguồn gốc và minh bạch trong giá thành sản xuất, sẽ không chỉ giúp tránh rủi ro bị áp thuế phòng vệ thương mại mà còn mở ra cơ hội tiếp cận các thị trường đòi hỏi cao về trách nhiệm môi trường – xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- <https://www.customs.gov.vn>
- <https://www.trademap.org>
- <https://trungtamwto.vn>
- <https://baochinhphu.vn>
- <https://www.eurofer.eu>
- <https://worldsteel.org>
- <https://www.fitchratings.com>